TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 225/2019/DS-PT
Ngày: 26/3/2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Các thẩm phán:

1. Ông Uông Văn Tuấn

2. Bà Trần Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Xuân Hồng- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 26 tháng 3 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 643/2018/DSPT ngày 13/12/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cho người chết để lại".

Do bản án sơ thẩm số 525/2018/DS-ST ngày 31/10/2018 Tòa án nhân dân quận F, Thành phố Hồ Chí Minh có kháng cáo và kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 321/2019/QĐPT-DS ngày 21 tháng 01 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 940/2019/QĐ-PT ngày 20 tháng 02 năm 2019**,** giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Bích N
Cư trú tại: 281/1 TĐ, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Anh T (theo giấy ủy quyền ngày 02/10/2017).
Địa chỉ: 211 L, phường TQ, Quận C, TP. Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:
2.1. Ông Hoàng Đăng D

Cư trú tại: Số 246/2A đường DQ, Phường E, quận F, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thanh L - Đại diện theo ủy quyền.

Địa chỉ: 311/2 NĐC, Phường E, Quận F, TP. Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ông Hoàng Đăng D:

Ông Bùi Thành G – Luật sư Văn phòng luật sư Bùi Thành G, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Ông Hoàng Thanh H

Cư trú tại: Số 246/2A đường DQ, Phường E, quận F, TP. Hồ Chí Minh.

Người làm chứng:

1. Bà Nông Thị Kim V

Cư trú tại: 65 QT, Phường K, quận F, TP. Hồ Chí Minh.

2. Ông Ngô Đình M.

Cư trú tại: 94/639 đường NK, Phường N, quận F, TP. Hồ Chí Minh.

(Người đại diện hợp pháp của các bên đương sự, ông H, người làm chứng và luật sư có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời khai của người đại diện hợp pháp nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng như sau:

Từ cuối năm 2007 đến năm 2008, nguyên đơn có cho em gái là bà Đặng Thị Bích Q mượn số tiền 50.000 Đôla Mỹ để tạo lập và xây dựng căn nhà số 248/2 đường DQ, Phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, nguyên đơn tiếp tục cho bà Q mượn thêm 15.000 Đôla Mỹ. Đến ngày 27/5/2017, nguyên đơn và bà Q xác lập giấy nợ để xác nhận số nợ 65.000 Đôla Mỹ. Giấy nợ được lập tại Bệnh viện Nhân dân Gia Định và có bà Nông Thị Kim V chứng kiến. Để bảo đảm khoản vay, bà Q đã giao cho nguyên đơn bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 100582 do UBND quận F cấp ngày 08/11/2016 tọa lạc tại địa chỉ 246/2A đường DQ, Phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, nguyên đơn không giữ bất cứ giấy tờ gì khác như bị đơn trình bày.

Ngày 08/6/2017, bà Q chết, người thừa kế theo pháp luật của bà Q là ông Hoàng Đăng D và ông Hoàng Thanh H đang quản lý di sản do bà Q để lại. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông D và ông H phải sử dụng di sản do bà Q chết để lại để thực hiện nghĩa vụ hoàn trả số nợ 65.000 Đôla Mỹ cho nguyên đơn được quy đổi thành tiền Việt Nam Đồng theo tỷ giá thị trường tại thời điểm xét xử và yêu cầu tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời đến khi thi hành hành xong.

Đồng bị đơn - ông Hoàng Đăng D, ông Hoàng Thanh H và người đại diện hợp pháp của ông Hoàng Đăng D trình bày:

Đồng bị đơn là con của ông Hoàng Việt S (chết năm 02/02/2009) và bà Đặng Thị Bích Q (chết ngày 7/6/2017). Bố mẹ của bà Q là ông Đặng Văn Đ (chết trước năm 1975), bà Hoàng Thị V (chết ngày 10/3/2010). Vì vậy, ông D và ông H là người thừa kế hợp pháp của bà Q.

Di sản bà Q chết để lại là căn nhà số 246/2A DQ, Phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay các đồng bị đơn đang quản lý, sử dụng.

Đồng bị đơn xác định giấy nợ ngày 27/5/2017 mà nguyên đơn cung cấp là không đúng sự thật, vì các lý do sau:

Trước khi chết, bà Q không căn dặn, nhắc nhở gì đến việc có nợ nguyên đơn. Hơn nữa, giấy nợ ngày 27/5/2017, không phải do bà Q viết và ký tên. Về nội dung của giấy nợ không rõ ràng và phi lý, cụ thể: Căn nhà 246/2 đường DQ, Phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh được nêu trong giấy nợ, không phải bà Q mua. Căn nhà này chồng bà Q là ông Hoàng Việt S được thừa kế từ cha mẹ và ông S đã tự xây dựng không phải do bà N bỏ tiền ra mua và cho bà Q đứng tên như trong nội dung "Giấy nợ" đề cập. Căn nhà 246/2 đường DQ bà Q đã bán cho người khác và đã cập nhật sang tên người mua từ tháng 12 năm 2016.

Do không có việc vay mượn giữa bà Q và bà N nên việc nguyên đơn trình bày bà Q tự nguyện giao cho nguyên đơn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 100582, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 07419 do Ủy ban nhân dân quận F cấp ngày 8/11/2016, địa chỉ: 246/2A DQ, Phường E, quận F là không đúng sự thật. Bà Q chết ngày 7/6/2017, trong thời gian tổ chức đám tang, bà N đã lợi dụng lấy các giấy tờ bản chính sau của gia đình bị đơn:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 100582, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 07419 do Ủy ban nhân dân quận F cấp ngày 8/11/2016, địa chỉ: 246/2A DQ, Phường E, quận F;

Giấy chứng nhận kết hôn của bà Q và ông S;

Giấy chứng tử của bà Q và ông S;

Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 16/01/2016;

Chứng minh nhân dân của bà Q, chứng minh nhân dân và giấy ra quân của ông S;

Giấy khai sinh của Hoàng Đăng D, Hoàng Thanh H.

Ngày 6/9/2017, đồng bị đơn phát hiện bị mất giấy tờ nêu trên và đã yêu cầu bà N hoàn trả. Tuy nhiên, bà N không đồng ý và yêu cầu đồng bị đơn phải viết giấy nợ trước khi hoàn trả. Nay nhận thấy không có việc vay mượn tiền giữa bà Q và bà N nên đồng bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. Đồng bị

đơn yêu cầu bà N phải hoàn trả bản chính các giấy tờ mà bà N đã lấy của đồng bị đơn và yêu cầu hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời mà Tòa án nhân dân quận F đã áp dụng.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 24/10/2018, đồng bị đơn xác định sau khi phát hiện mất giấy tờ và yêu cầu bà N hoàn trả. Ngày 12/6/2017, bà N đã hoàn trả cho đồng bị đơn bản chính các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận kết hôn của bà Q và ông S, giấy chứng tử của bà Q và ông S, chứng minh nhân dân, passport của bà Q, chứng minh nhân dân và giấy ra quân của ông S, giấy khai sinh, chứng minh nhân dân của Hoàng Đăng D, Hoàng Thanh H và hộ khẩu gia đình của đồng bị đơn. Vì vậy, nay chỉ yêu cầu nguyên đơn trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 100582.

Người làm chứng Bà Nông Thị Kim V trình bày: Bà là bạn học của bà N và rất thân thiết với gia đình nguyên đơn và bà Q. Vì vậy, việc vay tiền giữa bà Q với bà N, bà biết rất rõ. Bà Q vay tiền của bà N nhiều lần từ khoảng 10 năm về trước. Ban đầu, ông Việt S (chồng bà Q) và bà Q vay tiền của bà N để xây nhà. Sau khi ông S chết, bà Q có vay thêm tiền để làm giấy tờ nhà. Bà N đã giao tiền cho bà Q hai lần: lần đầu là 50.000 Đôla Mỹ vào đầu năm 2008, sau đó tiếp tục giao thêm là 15.000 Đôla Mỹ. Tổng cộng số tiền bà Q đã vay của bà N là 65.000USD. Khi bà N đưa tiền cho bà Q, bà đều có mặt và trực tiếp chứng kiến. Đến ngày 27/5/2017, bà N và bà Q có viết giấy để tổng kết số nợ. Giấy nợ ngày 27/5/2017, bà N và bà Q cùng thống nhất nội dung của giấy nợ. Tuy nhiên do bà Q mệt nên không thể tự viết, vì vậy có yêu cầu bà N viết rồi bà Q ký tên xác nhận nội dung các bên đã thống nhất. Sau khi bà N viết xong nội dung giấy nợ ngày 27/5/2017, bà Q đọc lại toàn bộ nội dung rồi ký tên, bà N thay bà Q viết tên Đặng Thị Bích Q dưới chữ ký và tôi ký tên ở mục người làm chứng.

Người làm chứng ông Ngô Đình M trình bày: Ngày 17/10/2018 trong thời gian tạm ngừng phiên tòa, ông M nộp đơn yêu cầu được làm nhân chứng với nội dung: Ông và bà Q có quan hệ thân thiết trên mức bạn bè trong nhiều năm và là người trực tiếp chăm sóc bà Q khi điều trị bệnh ung thư tuyến mật tại bệnh viện Ung Bướu từ tháng 2/2017 đến khi chết. Trong thời gian chăm sóc bà Q tại bệnh viện, ông không hề gặp bà N. Khi còn sống, bà Q không tâm sự và nhắc đến khoản nợ tiền Đôla Mỹ của bà N. Do vậy, ông M khẳng định không có việc bà Q nợ tiền bà N và việc giấy nợ được xác lập trong thời gian bà Q điều trị tại bệnh viện là không đúng. Ông M xác định không biết bà V là ai.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 525/2018/DSST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân quận F, Thành phố Hồ Chí Minh đã xử:

Buộc đồng bị đơn là ông Hoàng Thanh H, ông Hoàng Đăng D có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả cho bà Đặng Thị Bích N số tiền

1.513.850.000 (một tỷ năm trăm mười ba triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng trong phạm vi di sản mà bà Đặng Thị Bích Thủy chết để lại. Ông Hoàng Đăng D, ông Hoàng Thanh H phải thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bà Đặng Thị Bích N phải hoàn trả cho ông Hoàng Đăng D và ông Hoàng Thanh H bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 100582, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 07419 do Ủy ban nhân dân quận F cấp ngày 08/11/2016 địa chỉ số 246/2A DQ, Phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời: "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" đã được áp dụng theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2017/QĐ-BPKCTT ngày 06/11/2017 cho đến khi thi hành xong.

Tiếp tục duy trì biện pháp bảo đảm đã được áp dụng theo Quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm số 01/QĐ-BPBĐ ngày 02/11/2017.

Về án phí: Ông Hoàng Đăng D, ông Hoàng Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 57.415.500 (năm mươi bảy triệu bốn trăm mười lăm nghìn năm trăm) đồng.

Hoàn tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 27.450.000 đồng cho bà Đặng Thị Bích N theo biên lai thu số 0027536 ngày 04/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về chi phí tố tụng khác: Ông Hoàng Đăng D, ông Hoàng Thanh H chịu chi phí tố tụng là 2.400.000 (hai triệu bốn trăm nghìn) đồng. Ông Hoàng Đăng D, ông Hoàng Thanh H đã nộp đủ chi phí tố tụng.

Ông Hoàng Thanh H, ông Hoàng Đăng D chỉ phải thực hiện nghĩa vụ nộp tiền án phí, chi phí tố tụng và nghĩa vụ thanh toán cho bà Đặng Thị Bích N trong phạm vi di sản do bà Đặng Thị Bích Q chết để lại.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/11/2018, đồng bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên vì cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử không khách quan, sử dụng chứng cứ không có giá trị pháp lý để xét xử. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Quyết định kháng nghị số 10/QĐKNPT-VKS-DS, ngày 15/11/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận F, Thành phố Hồ Chí Minh đã kháng nghị bản án sơ thẩm nêu trên, cho rằng: Đồng bị đơn giao nộp chứng cứ là giấy chứng nhận Quyền sử dụng ruộng đất số 501/GCN-RĐ ngày 02/10/1985 với diện tích 518m^2 của ông Hoàng Pháp T, Hợp đồng xây dựng số 546/2008/HDTC ngày 24/12/2008 do ông Hoàng Việt S ký kết nhưng trong bản án sơ thẩm không thể hiện kết quả việc sử dụng, đánh giá, khẳng định giá trị pháp lý của chứng cứ do đồng bị đơn xuất trình.

Việc chứng minh nguồn gốc căn nhà 246/2 DQ, Phường E, quận F là căn cứ để giải quyết vụ án nhưng Tòa án không yêu cầu đương sự giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ theo quy định mà chỉ căn cứ vào việc bà N có chăm sóc bà Q hay không và bà Q có tự nguyện giao giấy tờ nhà cho bà N hay không để giải quyết vụ án là không khách quan, không xem xét đánh giá toàn diện chứng cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, Viện kiểm sát không rút kháng nghị.

- Luật sư và người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày nội dung kháng cáo:

Các đồng bị đơn không đồng ý trả số tiền 1.513.000.000 đồng cho nguyên đơn theo như bản án sơ thẩm đã tuyên vì bà Q không nợ nguyên đơn, "Giấy nợ" ngày 27/5/2017 bà Q không ký, là không có thật.

Đề nghị Hội đồng xét xử hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và bị đơn không phải chịu án phí;

Đồng ý với án sơ thẩm về việc buộc nguyên đơn trả giấy tờ nhà bản chính cho bị đơn;

Đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xử y án sơ thẩm.

Tại phần tranh luận:

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tranh luận: Phía nguyên đơn – Bà Đặng Thị Bích N khởi kiện bị đơn chỉ duy nhất căn cứ vào giấy nợ ngày 27/5/2017.

Tuy nhiên, giấy nợ ngày 27/5/2017 là giấy giả mạo, kết quả trưng cầu giám định không xác định được có phải là chữ ký của bà Q hay không. Hàng chữ "Đặng Thị Bích Q" sau chữ ký cũng không biết có phải chữ viết của bà Q hay không. Người làm chứng - Bà Nông Thị Kim V trong giấy nợ có ghi rõ "Cô Q viết…" nhưng các con của bà Q là Hoàng Đăng D và Hoàng Thanh H khẳng

định không phải là chữ viết của bà Q và kết quả giám định chữ viết cũng không phải là chữ của bà Q. Tại biên bản khai ngày 08/8/2017 tại Tòa án nhân dân quận F người làm chứng – bà V lại có lời khai lại là bà Q đọc bà N viết. Bản khai này là có sau khi có kết quả giám định, lời khai của người làm chứng là bà V không khách quan.

Không có việc bà Q tặng cho bà N nhà bởi vì tại thời điểm viết giấy nợ, nhà đất nêu trong giấy nợ bà Q đã bán cho Phạm Quốc Y từ năm 2016. Ngày 07/12/2016, ông Phạm Quốc Y đã được cập nhật sang tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở. Như vậy, ngày 27/5/2017 căn nhà không còn đứng tên chủ sở hữu là bà Q.

Phía nguyên đơn cho rằng căn nhà 246/2 DQ, Phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh do bà N bỏ tiền ra mua và xây dựng nhờ bà Q đứng tên dùm nên mới có việc bà Q viết giấy nợ có nội dung tặng lại nhà cho bà N là không đúng sự thật. Vì nguồn gốc căn nhà 246/2 DQ, Phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh là nhà cha chồng bà Q - ông Hoàng Pháp P. Ông P chết, để lại nhà đất cho ông Hoàng Việt S. Năm 2008 ông Hoàng Việt Sỹ và bà Đặng Thị Bích Q đã được Ủy ban nhân dân quận F cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, và quyền sở hữu nhà ở. Sau khi ông S chết (2009) thì các đồng thừa kế của ông S đã tặng lại phần thừa kế của ông S cho bà Q. Sau đó bà Q đã chuyển nhượng nhà đất trên cho ông Phạm Quốc Y. Tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm bà N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh phía bà N mua nhà đất nêu trên. Tại sao mua nhà với giá trị lớn như vậy mà bà N lại để người khác đứng tên mà không có bất kỳ thỏa thuận nào khác như vậy là không hợp lý.

Trong giấy vay nợ ghi "Nếu bà Q bán nhà 246/2 DQ, thì sẽ trả cho bà N số tiền 65.000 USD". Nội dung này không có từ ngữ nào thể hiện việc bà N cho bà Q vay 65.000 USD. Hơn nữa như đã trình bày ở trên thời điểm lập giấy nợ căn nhà 246/2 DQ đã được bà Q chuyển nhượng, không còn trên thực tế nên nội dung này không phù hợp với ý chí của bà Q. Như vậy, nguyên đơn đã sử dụng một chứng cứ không có thật liên quan đến vụ án.

Việc phía nguyên đơn khai rằng cho bà Q mượn tiền nhiều lần tư năm 2007 -2008 nhưng cuối năm 2016 mới giao giấy chứng nhận cho nguyên đơn mà lúc đó bà N cũng không yêu cầu bà Q viết bất cứ giấy nhận nợ nào là hoàn toàn không hợp lý.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện viện kiểm sát đã hỏi nguyên đơn là bà N cho bà Q vay bao nhiêu lần tiền thì phía nguyên đơn và người làm chứng là bà V đều khai nhiều lần nhưng tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn đều khai 02 lần là có sự mâu thuẫn. Nhân chứng – bà V khai bà N cho bà Q vay 15.000

USD để làm giấy tờ nhà là không đúng, vì đất có nguồn gốc thừa kế nên bà Q không phải đóng tiền thuế chuyển quyền sử dụng đất mà chỉ đóng thuế trước bạ hết 1.800.000 đồng.

Phía bị đơn cũng đồng ý với quan điểm kháng nghị của Viện kiểm sát về việc cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ chưa khách quan, toàn diện.

Đối với quan điểm kháng nghị cho rằng cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ về nguồn gốc căn nhà 246/2 DQ, Phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh là chưa chính xác, vì: tại cấp sơ thẩm, phía bị đơn đã giao nộp chứng cứ về nguồn gốc căn nhà 246/2 DQ, Phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh, có giấy chứng nhận tạm thời cấp cho ông Hoàng Pháp T, sao y bản chính có dán tem. Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn cũng đã thừa nhận, chứng cứ cũng đã được Tòa án công khai tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Với các lý do nên trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tranh luận:

Giấy nợ ngày 25/5/2017 là viết theo ý chí của bà Q. Nội dung giấy vay nợ có những chỗ không hợp lý như phía bị đơn trình bày là do sự hiểu biết hạn chế và do sự nhầm lẫn về số nhà của bà Q vì bà Q có 02 căn nhà liền kề nhau và nhà đã qua nhiều lần đổi số nhà.

Phía nguyên đơn thống nhất với lời khai về nguồn gốc nhà đất như phía bị đơn trình bày, tuy nhiên bà Q có hai căn nhà sát nhau, khi nhà đã xuống cấp thì chồng bà Q bàn với bà Q là bán một căn nhà để có tiền xây dựng nhà. Bà N biết được nên đã nói với bà Q là để lại nhà, bà N sẽ cho bà Q mượn tiền để xây nhà cho nên mới có việc bà Q viết giấy tặng nhà cho bà Q.

Nội dung của giấy mượn nợ hoàn toàn phù hợp với lời khai của người làm chứng là Bà Nông Thị Kim V. Giao dịch của bà Q và bà N là có thật, hai bên có lập giấy nợ, ngoài ra bà Q đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà N giữ làm tin. Như vậy thể hiện việc vay mượn là hoàn toàn có thật.

Việc phía bị đơn cho rằng bà N đánh cắp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất là hoàn toàn không có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay phía nguyên đơn được biết bị đơn có cung cấp 02 giấy nhập viện và cho rằng ngày 27/5/2017 bà Q không điều trị nội trú tại bệnh viện G, tài liệu chứng cứ này do bị đơn cung cấp mâu thuẫn với các

tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để xác minh làm rõ các chứng cứ nêu trên.

- Bị đơn - ông Hoàng Đăng D tranh luận:

Bà N chỉ là người bán gạo thuê không phải chủ tiệm gạo, nên không thể có việc bà N có 65.000 USD cho mẹ ông vay được. Ngược lại, bà N còn nhiều lần vay tiền của mẹ ông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của chủ tọa, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và về nội dung như sau:

+ Về tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các bên đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung:

- Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận F là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự đều khẳng định cấp sơ thẩm đã thu thập và công khai chứng cứ về nguồn gốc nhà đất 246/2 DQ, Phường E, quận F nên không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Bị đơn không yêu cầu hủy án. Do đó, những sai sót của cấp sơ thẩm cấp phúc thẩm có thể khắc phục được.

- Về nội dung giấy nợ ngày 27/5/2017: Kết luận giám định chữ ký của Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công An đã kết luận không đủ cơ sở xác định chữ ký trên giấy nợ là của bà Q hay không. Phía bà N trình bày bà Q giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của bà Q cho bà N giữ để làm tin cho việc vay nợ nhưng bà N không chứng minh được việc giữ giấy tờ này là ý chí của bà Q.

Về nguồn gốc nhà đất số 246/2 DQ, Phường E, quận F là nhà cha chồng bà Q - ông Hoàng Pháp P. Ông P chết đã để lại nhà đất cho ông Hoàng Việt S. Năm 2008, ông Hoàng Việt S và bà Đặng Thị Bích Q đã được Ủy ban nhân dân quận F cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, và quyền sở hữu nhà ở. Sau khi ông S chết thì các đồng thừa kế của ông S đã tặng lại phần thừa kế của ông S cho bà Q và tách thành hai căn do bà Q đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất. Sau đó thì bà Q đã chuyển nhượng căn nhà số 246/2 DQ, Phường E, quận F cho ông Phạm Quốc Y, còn lại căn nhà số 246/2A DQ, Phường E, quận F. Như vậy, các tài liệu chứng cứ phía bà N cung cấp chưa chứng minh được bà Q có nợ bà N hay không.

Theo kết quả thu thập tại cấp phúc thẩm thể hiện bà Q có điều trị nội trú tại bệnh viện G ngày 21/5/2017, xuất viện ngày 01/6/2017. Tuy nhiên, việc ngày 27/5/2017 bà Q có điều trị ở bệnh viện G hay không cũng không chứng minh được bà Q có nợ bà N hay không.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn và chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân Quận F, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các đồng bị đơn thực hiện nghĩa vụ do người chết (bà Q) để lại là trả khoản tiền nợ 1.513.850.000 đồng tương đương 65.000 USD cho nguyên đơn. Chứng cứ nguyên đơn chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là "Giấy nợ" ngày 27/5/2017 và việc nguyên đơn đang giữ giấy chứng nhận quyền hữu nhà và quyền sử dụng đất đứng tên bà Q, lời khai của người làm chứng là Bà Nông Thị Kim V. Ngược lại, phía bị đơn (các con của của bà Q) cho rằng giấy nợ nguyên đơn xuất trình là do nguyên đơn giả mạo vì bà Q không nợ bất cứ khoản tiền nào của bà N và yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký. Tại Kết luận giám định ngày 05/7/2018 của phân viện Khoa học kỹ thuật hình sự - Bộ công an kết luận: "Không đủ cơ sở kết luận chữ ký trong giấy nợ ngày 27/5/2017 là của bà Q hay không".

[2]. "Giấy nợ" ngày 27/5/2017 có nội dung như sau: "... Tôi xin trao tặng và cho căn nhà 246/2 đường DQ, Phường E, quận F cho chị tôi là Đặng Thị Bích N… vì lý do căn nhà tôi đang ở là của chị tôi đã mua và xây dựng nhưng để tôi đứng tên nếu bán tôi phải trả cho chị tôi là 65.000 USD Mỹ".

2.1. Xét nguồn gốc nhà đất số 246/2 đường DQ, Phường E, quận F: Căn cứ tài liệu chứng cứ do phía bị đơn xuất trình tại cấp sơ thẩm và lời khai xác nhận của người đại diện hợp pháp nguyên đơn về nguồn gốc nhà đất 246/2 là của ông Hoàng Pháp P là cha chồng của bà Q, có đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1985, số nhà 173/24. Ông P là cha ruột của ông Hoàng Việt S, ông P chết đã để lại nhà đất trên cho vợ chồng ông S. Căn cứ giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc 7190/2008/UB.GCN thể hiện ngày 17/10/2008 ông Hoàng Việt S và bà Đặng Thị Bích Q đã được Ủy ban nhân dân quận F cấp giấy chứng nhận QSHN&QSDĐƠ đối với căn nhà và đất số 248/2 DQ, Phường E, quận F. Sau khi ông S chết các đồng thừa kế của ông S đã tặng cho phần thừa kế của ông S cho bà Q. Ngày 08/11/2016, bà Q đã được tách thửa từ giấy chứng nhận QSDĐ số 7190/2008/UB.GCN thành hai căn nhà số 246/2 DQ (theo giấy chứng nhận

QSHN&QSDĐƠ số CH 07418) và căn số 246/2A DQ (theo giấy QSHN&QSDĐƠ số CH 07419). Sau đó, bà Q đã chuyển nhượng căn nhà số 246/2 DQ cho ông Phạm Quốc Y, cập nhật sang tên ông Hoàng ngày 07/12/2016, còn lại căn nhà số 246/2A DQ bà Q ở cùng các con của bà Q cho đến lúc qua đời(ngày 07/6/2017).

Qua các tài liệu, chứng cứ đã phân tích trên và sự thừa nhận của phía nguyên đơn về nguồn gốc quyền sử dụng đất của căn nhà 246/2 DQ, Phường E, quận F có cơ sở xác định hai căn nhà 246/2 và 246/2A DQ là của cha chồng bà Q để lại, không phải do bà N mua và xây dựng nhưng để bà Q đứng tên như trong nội dung giấy nợ đề cập.

2.2. Về nội dung trao tặng:

Đối tượng trao tặng được đề cập trong "Giấy nợ" là căn nhà 246/2 DQ, Phường E, quận F vào thời điểm lập "Giấy nợ" không thuộc quyền sở hữu và sử dụng của bà Q vì bà Q đã chuyển nhượng căn nhà này cho ông Phạm Quốc Y, cập nhật sang tên ông Hoàng ngày 07/12/2016.

2.3. Về nội dung "Nếu bà Q bán nhà 246/2 DQ thì sẽ trả cho bà N số tiền 65.000USD". Như đã phân tích trên, thời điểm lập "Giấy nợ" căn nhà 246/2 DQ đã được bà Q chuyển nhượng, không còn trên thực tế nên nội dụng này cũng không phù hợp.

Từ sự phân tích trên, có cơ sở xác định nội dung "Giấy nợ" ngày 27/5/2017 có nhiều điểm mâu thuẫn không đúng với thực tế khách quan, không thể hiện rõ ràng việc bà Q có vay bà N số tiền 65.000 USD .

[3]. Về lời khai của người làm chứng – Nông Thị Kim V: Bà V khai bà là bạn thân của bà N từ nhỏ tới nay. Tại phiên tòa phúc thẩm Bà V khai đã chứng kiến việc bà N cho bà Q vay tiền hai lần từ khoảng 10 năm về trước, tổng cộng 65.000 USD. Lần đầu bà Q vay 50.000 USD để xây nhà. Sau khi ông S chết, bà Q vay thêm 15.000 USD để làm giấy tờ nhà. Đồng thời bà cũng chứng kiến ngày 27/5/2017 tại Bệnh viện G bà Q đọc cho bà N viết rồi bà Q ký tên xác nhận nội dung "Giấy nợ" và bà ký tên ở mục người làm chứng. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai của bà V tại cấp sơ thẩm ngày 24/10/2017 và ngày 08/8/2018 bà V khai bà Q vay của bà N hơn 60.000 USD và lời khai của bà V tại phiên tòa sơ thẩm ngày 24/10/2018 khẳng định bà N đưa cho bà Q một lần 50.000 USD vào thời điểm năm 2007- 2008. Tại phiên tòa sơ thẩm, phía nguyên đơn khai bà N cho bà Q vay hai đến ba lần. Như vậy, lời khai của bà V tại cấp sơ thẩm mâu thuẫn với lời khai của nguyên đơn và mâu thuẫn với chính lời khai của bà V tại cấp phúc thẩm về các đợt giao tiền và tổng số tiền đã giao, mâu thuẫn với lời khai của người làm chứng khác là ông Ngô Đình M nên lời khai của bà V chỉ có giá trị tham khảo để đánh giá cùng với các chứng cứ khác.

[4]. Về việc bà N giữ giấy tờ nhà của bà Q: Phía nguyên đơn khai do bà Q vay tiền của bà N nên cuối năm 2016, sau khi bà Q được cấp giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với căn nhà số 246/2 DQ, bà Q đã đưa giấy tờ nhà trên cho bà N để làm tin. Tuy nhiên, phía bị đơn không thừa nhận việc này mà cho rằng trong lúc gia đình lo đám tang cho bà Q thì bà N đã lấy giấy tờ nhà của bà Q. Tuy phía bị đơn không chứng minh được lời trình bày trên nhưng phía nguyên đơn cũng không chứng minh được việc nguyên đơn giữ giấy tờ nhà của bà Q là hợp pháp. Vì vậy, việc bà N giữ bản chính giấy tờ nhà của bà Q không chứng minh được việc bà Q nợ bà N số tiền 65.000 USD. Vì vậy, cấp sơ thẩm đã xử buộc bà Đặng Thị Bích N phải hoàn trả cho ông Hoàng Đăng D và ông Hoàng Thanh H bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 100582, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 07419 do UBND quận F cấp ngày 8/11/2016 địa chỉ số 246/2A DQ, Phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng pháp luật, cần giữ y án sơ thẩm về phần này.

Từ sự phân tích trên, không đủ cơ sở để kết luận việc bà Q có nợ bà N số tiền 65.000 USD, cần sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5]. Về di sản do người chết để lại: Căn cứ giấy giấy QSHN&QSDĐƠ số CH 0741 cấp cho cá nhân bà Q và lời khai thống nhất của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm xác nhận căn nhà số 246/2A DQ là di sản do bà Q chết để lại. Tài liệu về nguồn gốc nhà đất đã được bị đơn giao nộp tại cấp sơ thẩm, đã được cấp sơ thẩm công khai chứng cứ, các bên không ai có ý kiến phản đối nhà đất này không thuộc sở hữu của bà Q. Do đó, nội dung kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân quận F cho rằng cấp sơ thẩm không yêu cầu đương sự bổ sung tài liệu, chứng cứ theo quy định là chưa chính xác. Cấp sơ thẩm có sai sót là không nhận định đầy đủ vào trong bản án sơ thẩm dẫn đến việc đánh giá chứng cứ chưa được khách quan, toàn diện. Tuy nhiên, đây là những sai sót về đánh giá chứng cứ nên cấp phúc thẩm có thể khắc phục được theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

[6]. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xác minh việc bà Q có điều trị nội trú tại bệnh viện G vào ngày 27/5/2017 hay không. Qua kết quả trả lời xác minh ngày 22/3/2019 của Bệnh viện G thể hiện bà Đặng Thị Bích Q đã điều trị nội khoa tiêu hóa tại Bệnh viện G , vào viện ngày 21/5/2017, xuất viện ngày 01/6/2017. Tuy nhiên, như đã phân tích, đánh giá chứng cứ ở trên thì việc ngày 27/5/2017 bà Q có ở bệnh viện G hay không cũng không chứng minh được bà Q có ký giấy nợ với bà N hay không.

[7]. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu

cầu kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận F. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở chấp nhận.

[8]. Từ sự phân tích trên, xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận F, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 525/2018/DS- ST ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận F, Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[9]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật. Cụ thể, bà Đặng Thị Bích N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 57.415.500 (năm mươi bảy triệu bốn trăm mười lăm nghìn năm trăm) đồng, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà N đã nộp là 27.450.000 (hai mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0027536 ngày 04/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi cấn trừ, bà Đặng Thị Bích N còn phải nộp thêm số tiền 29.965.500 (hai mươi chín triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm) đồng.

[10]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của bị đơn được Tòa chấp nhận nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng cho các bị đơn theo các biên lai thu của Chi cục Thi hành án dân sự quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Khoản 2 Điều 148; Điều 313; Khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 615 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 1 Điều 26, Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn - ông Hoàng Thanh H và ông Hoàng Đăng D.

3. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 525/2018/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Đặng Thị Bích N về việc yêu cầu các đồng bị đơn là ông Hoàng Thanh H và ông Hoàng Đăng D thực hiện nghĩa vụ do bà Q để lại là trả cho bà Đặng Thị Bích N số tiền

1.513.850.000 (một tỷ năm trăm mười ba triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng trong phạm vi di sản của bà Q.

3.2. Buộc bà Đặng Thị Bích N phải hoàn trả cho ông Hoàng Đăng D và ông Hoàng Thanh H bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 100582, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 07419 do Ủy ban nhân dân quận F cấp ngày 8/11/2016 địa chỉ số 246/2A DQ, Phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

3.3. Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/QĐ – BPKCTT ngày 06/11/2017 của Tòa án nhân dân quận F về việc "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" đối với nhà đất số 246/2A đường DQ, Phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4. Hủy Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 01/QĐ-BPBĐ ngày 02/11/2017 của Tòa án nhân dân quận F về việc buộc bà Đặng Thị Bích N phải gửi tài sản bảo đảm có giá trị là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) vào tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng Thương mại cổ phần CT – chi nhánh J – Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: số 1 đường I, Phường K, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Thị Bích N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 57.415.500 (năm mươi bảy triệu bốn trăm mười lăm nghìn năm trăm) đồng, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà N đã nộp là 27.450.000 (hai mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0027536 ngày 04/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi cấn trừ, bà Đặng Thị Bích N còn phải nộp thêm số tiền 29.965.500 (hai mươi chín triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm) đồng.

5. Về chi phí tố tụng khác: Ông Hoàng Đăng D, ông Hoàng Thanh H tự nguyện chịu chi phí tố tụng là 2.400.000 (hai triệu bốn trăm nghìn) đồng. Ông Hoàng Đăng D, ông Hoàng Thanh H đã nộp đủ chi phí tố tụng.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hoàng Đăng D, ông Hoàng Thanh H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng cho ông Hoàng Đăng D theo biên lai thu số 0001468 ngày 12/11/2018. Hoàn lại cho ông Hoàng Thanh H 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0001462 ngày 02/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND quận F;
- Chi cục THADS quận F;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Hoa